

Bản án số: 1240/2023/DS-PT

Ngày: 25/12/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về hứa thưởng và yêu cầu bồi thường
do vi phạm hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2023/TLPT-DS ngày 24/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hứa thưởng và yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2942/2023/DS-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5134/2023/QĐ-PT ngày 06/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 16342/2023/QĐ-PT ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1961

Địa chỉ: I đường H, khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số F đường T, khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 - Luật sư Công ty L - Đoàn luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Võ Trúc P, sinh năm 1968

Địa chỉ: 5 đường E, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: 4 T, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H1, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: F đường T, khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

4. *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: A N, khu phố D, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

5. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Văn H là người khởi kiện trong vụ án hành chính với Ủy ban nhân dân Thị xã K, tỉnh Long An về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận cho ông Phan Văn T2. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân Tỉnh Long An đã có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐHC ngày 11/01/2021, ông H kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết nêu trên. Vụ án được chuyển lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xem xét lại Quyết định đình chỉ theo trình tự phúc thẩm. Ông H có ủy quyền cho 02 người làm đại diện tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm bao gồm em ruột là ông Trần Văn H1 theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020 và ngày 28/4/2021; ông Võ Trúc P theo văn bản ủy quyền lập ngày 04/5/2021.

Cũng vào ngày 04/5/2021, tại phòng công chứng Bùi Thị Đ tại thị xã K, tỉnh Long An. Ông Trần Văn H ủy quyền cho ông Trần Văn H1 ký Hợp đồng trích thưởng với ông Võ Trúc P. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận nội dung ông P tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia tố tụng giai đoạn phúc thẩm với tư cách đại diện theo ủy quyền của ông H. Điều kiện trích thưởng là ông P phải tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi cho ông H, trình bày và chứng minh để yêu cầu kháng cáo của ông H được chấp nhận sau đó ông P tiếp tục thay mặt ông H tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An cho đến khi yêu cầu khiếu kiện quyết định hành chính của ông H được chấp nhận, số tiền được trích thưởng là 500.000.000 đồng. Ông Trần Văn H cam kết ngay sau khi ký hợp đồng sẽ tạm ứng cho ông P trước 50.000.000 đồng làm chi phí đi lại trong quá trình tham gia tố tụng và số tiền này sẽ được hoàn trả lại ngay nếu vụ việc không hoàn thành. Thực hiện hợp đồng, ông H đã lập giấy ủy quyền cho ông P tại phòng công chứng ngày 04/5/2021, ông H1 đã trực tiếp cung cấp tài liệu kèm theo Giấy triệu tập xét xử phúc thẩm vào 08 giờ ngày 10/5/2021, ông H1 đã giao tạm ứng trước cho ông P số tiền 50.000.000 đồng. Việc giao tài liệu chứng cứ, Giấy triệu tập không có lập biên bản giao nhận nhưng có sự chứng kiến của ông Huỳnh Văn T1. Việc giao tiền không có lập biên bản giao nhận mà được ghi nhận ngay sau khi ký hợp đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm xét xử vào ngày 10/5/2021 tại phiên tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội

đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐHC ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân Tỉnh Long An. Tại phiên tòa này, ông P không đại diện cho ông H tham gia tố tụng theo ủy quyền và không trình bày cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ có lợi cho ông H và đó là một phần trong những nguyên nhân dẫn đến kháng cáo của ông H không được chấp nhận. Ông H xác định trường hợp Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng cáo của ông và ông P tiếp tục thực hiện các nội dung của hợp đồng thì ông sẽ không có khởi kiện ông P. Từ khi có kết quả xét xử phúc thẩm đến nay, mặc gì không đồng ý nhưng ông H cũng chưa khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm. Do ông P không thực hiện đúng nội dung Hợp đồng trích thưởng ngày 04/5/2021 nên phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận tạm ứng và bồi thường thiệt hại là 131.055.000 đồng, bao gồm:

- Số tiền đã nhận tạm ứng 50.000.000 đồng;

- Số tiền bồi thường thiệt hại với các khoản: Tiền công chứng giấy ủy quyền, sao ý các tài liệu chứng cứ liên quan hồ sơ kháng cáo: 2.000.000 đồng (*Biên lai, chứng từ không còn lưu*); Tiền thuê xe đi lại trong quá trình khởi kiện ông P: 20.000.000 đồng (*ông H1 đi lại 08 chuyến, chứng từ không còn lưu*); Tiền tổn thất sức khỏe và tinh thần của ông H từ tháng 6/2021 đến nay (*Theo mức lương cơ sở 1.140.000 đồng x 22 tháng = 25.080.000 đồng (Biên lai, chứng từ không còn lưu)*); Tiền mất thu nhập do ông H ủy quyền cho ông H1 đi khởi kiện và phải đi lại đến Tòa: 1.000.000 đồng/ngày x 8 ngày = 8.000.000 đồng (*Biên lai, chứng từ không có*); Tiền lãi vay từ ngày giao tiền đến nay = 50.000.000 đồng x 1.65%/tháng x 23 tháng = 18.975.000 đồng (*lãi suất không có thỏa thuận, mức lãi suất 19,8% năm được tham khảo theo các bản án của Tòa án*). Tổng số tiền bồi thường tạm tính đến ngày thi hành án là 81.055.000 đồng.

Theo bản tự khai và quá trình tranh tụng tại tòa, bị đơn có đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 04/5/2021, ông Võ Trúc P có ký hợp đồng trích thưởng với ông Trần Văn H1 về việc tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia tố tụng giai đoạn phúc thẩm với tư cách đại diện theo ủy quyền đối với vụ việc ông H kháng cáo Quyết định đình chỉ số 03/2021/QĐST-HC ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Tuy nhiên, Hợp đồng trích thưởng không đúng quy định của pháp luật do không đúng chủ thể. Ông T1 có giới thiệu ông P với ông H1 và ông H nhưng không chứng kiến khi các bên ký hợp đồng trích thưởng và ký giấy ủy quyền. Ông P có nhận tài liệu chứng cứ phô tô của ông H1 đưa về nghiên cứu và những tài liệu này không có gì mới so với cấp sơ thẩm đã giải quyết.

Ông P không nhận số tiền 50.000.000 đồng từ ông H như ông H1 và ông T1 trình bày mà chỉ nhận 5.000.000 đồng tiền chi phí đi lại. Thực tế sau khi ký Hợp đồng trích thưởng và giấy ủy quyền nhưng ông H và ông H1 không có tiền

nên có đề nghị ngày hôm sau sẽ liên lạc lại để chuyển khoản cho ông P tuy nhiên hai ông không thực theo như hứa hẹn trong hợp đồng. Vì tin tưởng chỗ quen biết và ông P vì bận công việc nên cũng không nhắn tin hay điện hỏi ông H1 hay ông H về số tiền ứng trước của hợp đồng. Đến ngày 06/5/2021, ông P có gửi giấy ủy quyền kèm theo Giấy triệu tập cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa Phúc thẩm qua đường bưu điện có báo phát (phiên tòa lúc 7h30 ngày 10/5/2021). Mặc dù chưa nhận được tiền nhưng vì tin tưởng nên ông P vẫn có mặt tại phiên tòa nêu trên, nhưng không được bố trí ngồi với tư cách đại diện theo ủy quyền, không được phát biểu. Việc Hội đồng xét xử Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao đình chỉ giải quyết kháng cáo của ông H là không có lỗi của ông P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 trình bày: Ông xác định nội dung ông H trình bày là đúng. Ông H1 là em ruột của ông H và là người được ông H ủy quyền tham gia tố tụng vụ án tranh chấp mà ông H tham gia và có kháng cáo kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ số 03/2021/QĐST-HC ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An tại Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thông qua sự giới thiệu của ông Huỳnh Văn T1, ông H1 có làm việc với ông Võ Trúc P. Nội dung làm việc như ông H đã trình bày và ông H1 là người ứng tiền cho ông H mượn tiền và trực tiếp đưa ông P số tiền 50.000.000 đồng, là người trực tiếp giao giấy tờ tài liệu, chứng cứ và Giấy triệu tập của tòa Cấp cao cho ông P. Các chi phí và yêu cầu bồi thường của ông H xuất phát từ các chi phí mà ông H1 phải bỏ ra để thực hiện công việc ông H ủy quyền khởi kiện ông P. Theo ông được biết, tại phiên tòa xét xử vào ngày 10/5/2021, ông P vắng mặt dẫn tới kháng cáo của ông H không được chấp nhận. Vì vậy, ông H1 thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người làm chứng ông Huỳnh Văn T1 trình bày: Ông T1 có quan hệ bạn bè thân thiết với ông H1 nên có biết việc ông H1 được ông H ủy quyền giải quyết một vụ án tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An, lúc đó đã có Quyết định đình chỉ và ông H đã có kháng cáo tới Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do cũng có quen biết ông P trong một vụ án trước đó nên ông T1 có giới thiệu ông P cho ông H1. Tại phòng công chứng, ông có chứng kiến ông H1 và ông P ký Hợp đồng trích thưởng và ông H và ông P ký giấy ủy quyền. Ông chứng kiến việc ông H1 đưa tài liệu chứng cứ, đưa giấy triệu tập xét xử của tòa Cấp cao và ông H1 đưa tiền cho ông P với số tiền 50.000.000 đồng. Việc giao tài liệu, giấy tờ ông thấy các bên không có lập biên bản và về tiền giao ông cũng nghĩ được ghi trong hợp đồng. Theo ông được biết, tại phiên tòa xét xử vào ngày 10/5/2021 ông P vắng mặt vì bận phiên tòa khác không tham gia được. Ông H1 có nhờ ông T1 liên hệ nói ông P trả tiền cho ông H và ông H1 nhưng ông P không đồng ý trả do ông cho rằng vụ việc chưa được giải quyết xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2942/2023/DS-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, khoản 4 Điều 91; Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 360; Điều 361; Điều 519; Điều 570; Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn H về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hứa thưởng” và “Yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng” đối với ông Võ Trúc P.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H về việc đòi ông Võ Trúc P số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H về việc đòi ông Võ Trúc P bồi thường thiệt hại số tiền 81.055.000 (tám mươi một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 nguyên đơn ông Trần Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Trần Văn H có ông Trần Văn H1 đại diện theo ủy quyền trình bày: cung cấp cho Hội đồng xét xử bản photo các tài liệu chứng cứ gồm: Phiếu thu phí Luật sư 5.000.000 đồng nguyên đơn thuê tại cấp phúc thẩm. Hai hợp đồng chở khách ngày 06/12/2023 và 25/12/2023 mỗi hợp đồng là 2.500.000 đồng. Ngoài ra nguyên đơn trình bày do phải nghỉ làm việc vào 02 ngày Tòa án mở phiên tòa phúc thẩm lần 1+2 nên mất thu nhập 2.000.000 đồng/ ngày. Tổng cộng chi phí phát sinh tại cấp phúc thẩm là 12.000.000 đồng. Ông chỉ trình bày và không có yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét khoản tiền này.

Trong giai đoạn ở cấp sơ thẩm, ông P đã có hành vi đe dọa đối với người làm chứng là ông Nguyễn Văn T3 để ông T3 không tham gia làm chứng tại Tòa án.

Ông xác nhận tại thời điểm ông đưa cho ông P 50.000.000 đồng, ông P có nhận tiền của ông nhưng không đếm và cất ngay vào túi.

Ông Nguyễn Hoàng A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Trúc P trình bày: Ông xác nhận ông P chỉ nhận 5.000.000 đồng từ ông H1. Đây là tiền hỗ trợ xăng xe đi lại không phải là số tiền trong khoản tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng trích thưởng.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T3 trình bày: Ông chứng kiến việc ông H1, ông H giao tiền cho ông P. Ông P có đếm tiền nhưng bao nhiêu tiền thì ông không biết. Theo ông số tiền này là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng trích thưởng mà ông H và ông P đã ký kết với nhau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Theo Hợp đồng ủy quyền và Hợp đồng trích thưởng thì: Ông P không thực hiện nghĩa vụ tham gia phiên tòa thể hiện trong Quyết định đình chỉ số 261/2021/QĐ-PT ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung văn bản ủy quyền và Hợp đồng trích thưởng. Theo đó ông P cam kết nếu việc không hoàn thành sẽ gửi trả ngay số tiền đã nhận.

Tại cấp sơ thẩm, ông Võ Trúc P đe dọa nhân chứng ông Huỳnh Văn T1 không cho đến tòa để đối chất. Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập gấp chỉ trong thời hạn 03 ngày để tham gia phiên tòa.

Bản án sơ thẩm xét xử không có căn cứ, không đúng pháp luật. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo trong thời hạn qui định của pháp luật

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 380 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm do không có cơ sở xác định lỗi của ông P dẫn tới kháng cáo của ông H không được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận; Không có tài liệu chứng minh ông P đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng nhưng vi phạm hợp đồng dẫn tới phát sinh thiệt hại cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 10 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tuyên bản án số 2942/2023/DS-ST. Ngày 15/8/2023 nguyên đơn ông Trần Văn H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của đương sự là trong thời hạn qui định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp giữa các bên là: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hứa thưởng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”, bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Về kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét về hình thức hợp đồng: Căn cứ Hợp đồng trích thưởng lập ngày 04/5/2021 được ký giữa: Bên A ông Trần Văn H do ông Trần Văn H1 ký với tư cách đại diện; Bên B ông Võ Trúc P và người làm chứng ông Huỳnh Văn T1. Như vậy, thỏa thuận giữa các bên được lập bằng văn bản và hoàn toàn tự nguyện, nhưng bên A ông Trần Văn H không trực tiếp ký hợp đồng mà do ông Trần Văn H1 là người đại diện được ủy quyền tham gia tố tụng ký Hợp đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Trần Văn H có mặt, đồng ý về nội dung của Hợp đồng trích thưởng và trực tiếp cùng ông Võ Trúc P xác lập Giấy ủy quyền cho ông P tham gia tố tụng tại phiên xét xử phúc thẩm.

Theo nội dung của hợp đồng trích thưởng lập ngày 04/5/2021 thì hai bên thỏa thuận ông Võ Trúc P thay mặt ông Trần Văn H tham gia tố tụng giai đoạn phúc thẩm tại Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông H. Hợp đồng thỏa thuận trách nhiệm của ông P trong việc trình bày và cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc kháng cáo của ông H. Khi kháng cáo được Tòa cấp cao chấp nhận và hủy quyết định đình chỉ thì ông P tiếp tục thay mặt ông H tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An để giải quyết vụ án cho đến khi tất cả các yêu cầu của ông H được Tòa án chấp nhận. Số tiền trích thưởng là 500.000.000 đồng. Ông Trần Văn H cam kết ngay sau khi ký hợp đồng sẽ tạm ứng cho ông P trước 50.000.000 đồng làm chi phí đi lại trong quá trình tham gia tố tụng và số tiền này sẽ được hoàn trả lại ngay nếu vụ việc không hoàn thành. Xét thấy:

Thứ nhất: Các bên đương sự đều thống nhất lời khai việc ông H ký Giấy ủy quyền cho ông P cho tham gia tố tụng, ông P đã được nhận tài liệu chứng cứ photo kèm theo Giấy triệu tập tham dự xét xử phúc thẩm vào 08 giờ ngày 10/5/2021 do ông H1 cung cấp. Theo nội dung của hợp đồng trích thưởng lập ngày 04/5/2021 thì các bên thỏa thuận số tiền tạm ứng 50.000.000 đồng là chi phí đi lại trong quá trình tham gia tố tụng. Bên A cam kết khi 02 bên ký hợp đồng này thì bên A sẽ tạm ứng cho bên B. Như vậy, việc giao tiền sẽ được thực

hiện sau khi các bên ký hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu thể hiện có việc giao nhận số tiền này. Ông Trần Văn H1 xác nhận ông H không phải là người giao số tiền nêu trên cho ông P mà là do ông H1 tự ứng tiền riêng của cá nhân mình để giao cho ông P, số tiền này ông sẽ đòi lại ông H sau. Lời khai của ông T1 về việc ông chứng kiến việc ông H giao tiền cho ông P nhưng ông xác nhận tại biên bản ngày 13/6/2023 do Tòa án lập thể hiện: “...Việc giao tài liệu, giấy tờ ông thấy các bên không có lập biên bản, về tiền giao ông cũng nghĩ được ghi trong hợp đồng...” (bút lục 68-69). Lời khai này cũng không xác định chính xác số tiền ông H1 đã giao cho ông P là bao nhiêu. Phía ông P chỉ thừa nhận có nhận từ ông Trần Văn H1 số tiền 5.000.000 đồng là tiền tạm ứng chi phí đi lại và ông đã sử dụng hết.

Theo lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn T3 tại phiên tòa phúc thẩm về việc có chứng kiến việc giao tiền giữa ông H, ông H1 và ông P. Khi nhận tiền, ông Phi đi lại rồi cất vào túi nhưng ông T3 không rõ số tiền là bao nhiêu. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 xác nhận ông là người trực tiếp giao tiền cho ông P và khi nhận tiền của ông, ông P không đếm tiền và cất ngay vào túi. Như vậy, lời khai của người làm chứng và ông H1 có mâu thuẫn với nhau về việc ông P nhận tiền có kiểm tra hay không và số tiền là bao nhiêu nên không có cơ sở công nhận lời khai của người làm chứng tại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 khai ông P đe dọa không cho ông T3 thực hiện nhiệm vụ của người làm chứng tại phiên tòa sơ thẩm. Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T3 có mặt và xác nhận ông đã trình bày đầy đủ tất cả các nội dung mà ông biết liên quan đến việc giao nhận tiền giữa ông H1, ông H và ông P tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Ông đã cam kết khai trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình. Do đó, có cơ sở xác định ông T3 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người làm chứng trong vụ án theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập nguyên đơn ông Trần Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 để đối chất trực tiếp với bị đơn để làm rõ nội dung vụ kiện. Mặc dù bị đơn có mặt nhưng ông H và ông H1 đều không chấp hành giấy triệu tập, vắng mặt với lý do không cung cấp được chứng cứ gì thêm. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã lập các biên bản ghi nhận sự việc ngày 03/7/2023 (bút lục 74) và ngày 17/7/2023 (bút lục 76).

Thứ hai: Quyết định giải quyết việc kháng cáo số 261/2021/QĐ-PT ngày 10/5/2021 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định yêu cầu khởi kiện của ông H đã hết thời hiệu giải quyết, tranh chấp đất giữa các bên đã được giải quyết xong bằng một Quyết định hành chính có hiệu lực pháp luật, sau đó ông Phan Văn T2 đã được cấp Giấy chứng nhận nên ông H không có quyền khởi kiện. Mặt khác, tại tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản được Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử theo bản án phúc thẩm số 158/2020/DS-PT ngày 02/6/2020 giữa ông T2 với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì ông H cũng không có liên quan gì. Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành

phố Hồ Chí Minh đã không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H. Quyết định phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Theo Quyết định giải quyết việc kháng cáo số 261/2021/QĐ-PT ngày 10/5/2021 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trần Văn H1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H. Theo Giấy Báo phát nhanh qua đường bưu điện vào ngày 06/5/2021 đối với Giấy ủy quyền và Giấy triệu tập gửi tới Thẩm phán chủ tọa phiên tòa Phúc thẩm, do ông Võ Trúc P xuất trình thể hiện ông P đã tiến hành các thủ tục để tham gia tố tụng theo thỏa thuận. Ông P xác định có mặt tại phiên tòa và đã gửi bản chính Giấy Ủy quyền và Giấy triệu tập đã gửi trước đó qua đường bưu điện cho Tòa án nhân dân cấp cao. Có cơ sở xác định việc Tòa án cấp cao giữ nguyên quyết định đình chỉ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐHC ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An không phụ thuộc vào sự có mặt của ông Võ Trúc P hay ông Trần Văn H là những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Trần Văn H.

[2.2] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn, do không chứng minh được lỗi của ông Võ Trúc P trong việc phi phạm hợp đồng dẫn đến kháng cáo của ông Trần Văn H không được chấp nhận nên yêu cầu bồi thường là không có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích trên và phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của số 2942/2023/DS-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Văn H phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Trần Văn H là người kháng cáo phải chịu án phí.

Tuy nhiên ông Trần Văn H, sinh năm 1961 thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bồi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 2942/2023/DS-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn H về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hứa thưởng và yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng” đối với ông Võ Trúc P.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H về việc đòi ông Võ Trúc P số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H về việc đòi ông Võ Trúc P bồi thường thiệt hại số tiền 81.055.000 (tám mươi một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần Văn H không phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP. Thủ Đức;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Huyền Phương